

Bến Tre, Ngày tháng 8 năm 2022

DANH MỤC
GÓI THẦU: MUA SẮM HÓA CHẤT, SINH PHẨM, VẬT TƯ Y TẾ NĂM 2022 (Nguồn ngân sách)

TT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Quy cách	Số lượng	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Phân nhóm theo Thông tư 14/BYT	Đơn giá kế hoạch có VAT	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	10	11	12
1	Băng keo vải	Cuộn		5	kích thước 48mm 10m	6		-	
2	Bình định mức thủy tinh 200ml	Cái		10	Thủy tinh chịu nhiệt tốt	6		-	
3	Bình tam giác cổ mài không nắp.	Cái		10	Bình thủy tinh cổ mài không nắp, 29/32, 100 ml	6		-	
4	Bộ lọc chân không thủy tinh dùng cho lọc vi sinh (phễu lọc đường kính 47mm, chân đế, kẹp giữ, nút silicon, bình chứa sau lọc)	Bộ	bộ	2	Thủy tinh chịu nhiệt tốt	6		-	
5	Bộ phân phối dung môi DISPENSER 1-10ml	Bộ		2	1-10ml, vạch chia 0.2ml	6		-	
6	Buret 25ml	Cái		2	dung tích 25ml, vạch chia nhỏ nhất 0,05ml	6		-	
7	Cọ lông mềm rửa dụng cụ lớn	Cái		20	rửa dụng cụ ống đong chai lọ lớn dài 40cm	6		-	
8	Đĩa petri thủy tinh	Hộp/10đĩa	hộp/10đĩa	10	Thủy tinh chịu nhiệt tốt, 60x15mm	6		-	
9	Dung dịch sát khuẩn chứa Iod	chai		3	Thành phần chính là povidone-iodine 10%,Chai 500 ml	5		-	
10	Dung dịch Sodium thiosulfate 0,1N	ống		2	Nồng độ 0.1000 mol/l	Không phân nhóm		-	
11	Eriochrome Black T	Chai	chai 10g	1	Loss on drying (110 ⁰ C) <=7%	Không phân nhóm		-	
12	Màng lọc chưa tiệt trùng Ø 47 mm (Kích thước lỗ lọc 1 µm)	miếng	Hộp 100 miếng	100	Chưa tiệt trùng Ø 47 mm (Kích thước lỗ lọc 1 µm)	Không phân nhóm		-	

13	Máy đo Chlorine tự do và Chlorine tổng	Bộ		1	Đo Chlorine tự do và Chlorine tổng, thang đo : 0.00 – 5.00 mg/l, Độ phân giải: 0.01mg/l, Độ chính xác: ± 3% .	không phân nhóm		-	
14	Máy quét mã vạch	cái		4	Máy quét mã vạch laser cầm tay có dây, dùng để đọc mã vạch	không phân nhóm		-	
15	Nhiệt kế hồng ngoại đo nhiệt độ mẫu	Cái		1	Nhiệt độ từ (-30) đến (210) độ C, độ phân giải 0.1 độ C	không phân nhóm		-	
16	pH-indicator paper pH 1-14	cuộn	cuộn 4.8m	2	With colour scale pH 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10-12-14	Không phân nhóm		-	
17	Pipet thủy tinh	Cái		10	Dung tích 20ml vạch chia nhỏ nhất 0.1ml, thủy tinh chịu nhiệt tốt	6		-	
18	Quả bóp cao su	Cái		20	Đóng gói rời mỗi cái, đường kính 45 mm	6		-	
19	Que đũa nhôm	cái		500	Bằng gỗ, tiết trùng	5		-	
20	Que gỗ lấy bệnh phẩm Pap'smear	Que		1,400	Làm bằng gỗ, 2 đầu: 1 đầu tù lớn, 1 đầu tù nhỏ ; KT: 180 x 18 x 2 mm	6		-	
21	Acid acetic 100%	Chai	chai 1lít	8	Độ tinh khiết >= 99.8%	Không phân nhóm		-	
22	Acid sulfuric	Chai	chai 1lit	2	Độ tinh khiết 95.0-97.0%	Không phân nhóm		-	
23	Amonium chloride	Chai	Chai 500g	1	Độ tinh khiết >= 99.8%	Không phân nhóm		-	
24	Chlorine test	Bộ		1	Bộ Chlorine test có đĩa so màu: thang đo 0,1 – 0,2 – 0,3 – 0,4 – 0,6 – 0,8 – 1,0 – 1,5 – 2,0 mg/l Cl ₂ .	Không phân nhóm		-	
25	Chromogenic Coliform Agar (CCA)	Chai	Chai 500g	2	Dạng hạt to, pH (25°C) 6.6-7.0	Không phân nhóm		-	
26	Dung dịch chuẩn amoni	Chai	chai 500ml	1	Nồng độ amoni 1000±2mg/l	Không phân nhóm		-	
27	Dung dịch chuẩn mangan	Chai	chai 500ml	1	Nồng độ mangan 1000±2mg/l	Không phân nhóm		-	
28	Dung dịch chuẩn nitrat	Chai	chai 500ml	1	Nồng độ nitrat 1000 ± 5mg/l	Không phân nhóm		-	
29	Dung dịch chuẩn nitrit	Chai	chai 500ml	1	Nồng độ nitrit 999mg/l -1000mg/l	Không phân nhóm		-	
30	Dung dịch chuẩn sunfat	Chai	chai 500ml	1	Nồng độ sunfat 1000±2mg/l	Không phân nhóm		-	

31	Hydrogen peroxyt 30%	Chai	chai 250ml	1	Độ tinh khiết $\geq 30\%$	Không phân nhóm		-	
32	Hydroxylamonium Chlorure	Chai	Chai 250g	1	Độ tinh khiết $\geq 99\%$	Không phân nhóm		-	
33	Mercury(II) iodide red	Chai	Chai 250g	1	Độ tinh khiết $\geq 99.3\%$	Không phân nhóm		-	
34	Methylene blue	Chai	chai 10g	1	Loss on drying (105 ⁰ C 18h) 10-15%	Không phân nhóm		-	
35	N(1-Naphthyl) ethylene diamine dihydrochloride	Chai	chai 5g	1	Độ tinh khiết $\geq 97\%$	Không phân nhóm		-	
36	Platinum Cobalt Color Reference Solution 500CU	Chai	chai 500ml	2	Bước sóng 430nm, độ hấp thu 0.110-0.120 (ASTM D 1209-05)	Không phân nhóm		-	
37	Potassium chloride solution 3M	Chai	chai 250ml	1	Nồng độ 2.9-3.1mol/l	Không phân nhóm		-	
38	Potassium dichromate volumetric standard	Chai	chai 80g	1	Dạng bột	Không phân nhóm		-	
39	Potassium permanganate solution 0.1 N (0.02000M)	Chai	chai 1lít	2	Nồng độ 0.01990-0.02010mg/l	Không phân nhóm		-	
40	Silver nitrate 0,1N	Chai	chai 1lít	1	Nồng độ 0.0998-1.002 mol/l	Không phân nhóm		-	
41	Sodidum Benzensulfochloramide	Kg		225	Hàm lượng $\geq 25\%$	Không phân nhóm		-	
42	Sodium hydroxide	Chai	chai 1kg	1	Độ tinh khiết $\geq 99.0\%$	Không phân nhóm		-	
43	Sodium hydroxide 0,1N	Chai	chai 1 lit	1	Nồng độ 0,0998-0.1002 mol/l	Không phân nhóm		-	
44	Sulfuric acid 0,1N	Chai	chai 1 lit	1	Nồng độ 0,0499-0.0501 mol/l	Không phân nhóm		-	
45	Triethanolamine	Chai	chai 250ml	1	Độ tinh khiết $\geq 99\%$	Không phân nhóm		-	
46	Tryptone soy Broth	Chai	Chai 500g	1	Dạng bột, pH (25 ⁰ C) 7.1-7.5	Không phân nhóm		-	
47	Turbidity 4000 NTU	Chai	chai 500ml	1	Turbidity 4000 $\pm$ 30 NTU	Không phân nhóm		-	